



Mẫu CBTTSGDHCM-11  
Appendix CBTTSGDHCM-11

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD/SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)  
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI  
SSI ASSET MANAGEMENT COMPANY LIMITED  
Số/No.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2020  
Hanoi, date 10 month 06 year 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ETF  
(Định kỳ hàng ngày)

NGÀY BÁO CÁO 9/6/2020

DISCLOSURE OF INFORMATION NET ASSET VALUE OF THE ETF  
(Daily report)

REPORTING DATE 9-Jun-20

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- |   |  |  |
|---|--|--|
| 1 | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br>Management Fund Company name: | <b>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b><br>SSI Asset Management Company Limited  |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br>Supervisory bank:              | <b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</b><br>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b><br>ETF name:                                 | <b>Quỹ ETF SSIAM VNX50</b><br>SSIAM VNX50 ETF  |
| 4 | <b>Mã Chứng khoán/Securities symbol:</b>                         | <b>FUESSV50</b>  |
| 5 | <b>Địa chỉ trụ sở chính:</b><br>Main office address:             | <b>1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội</b><br>1C Ngo Quyen, Hoan Kiem, Hanoi   |
| 6 | <b>Điện thoại/ Tel</b>   | <b>(+84-24) 3936 6321</b>  |
|   | <b>Fax:</b>  | <b>(+84-24) 3936 6337</b>  |

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

STT No.	CHỈ TIÊU Criteria	NGÀY BÁO CÁO Reporting date 9/6/2020
1	<b>Tổng giá trị tài sản của Quỹ ETF</b> Total assets of the ETF	173,904,991,228
2	<b>Tổng nợ phải trả của Quỹ</b> Total liabilities of the ETF	306,197,598
3	<b>Giá trị tài sản ròng</b> Net Asset Value	
3.1	<i>của quỹ ETF</i> <i>of the ETF fund</i>	173,598,793,630
3.2	<i>trên một lô chứng chỉ quỹ ETF</i> <i>per lot of ETF Fund Certificate</i>	1,222,526,715
3.3	<i>trên một chứng chỉ quỹ</i> <i>per ETF Fund Certificate</i>	12,225.26



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành



Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI

*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC